



DOI: <https://doi.org/10.52714/dthu.sch.3425.1933>

QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC SỐ CHO ĐỘI NGŨ GIÁO VIÊN CÁC TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ Ở PHƯỜNG TAM PHƯỚC, TỈNH ĐỒNG NAI

Phan Trọng Nam¹, Nguyễn Minh Tuấn² và Nguyễn Thị Thu Linh³

¹Phòng Khoa học và Công nghệ, Trường Đại học Đồng Tháp, Việt Nam, Việt Nam

²Phòng Quản lý đào tạo, Trường Đại học Kỹ Thuật - Công nghệ Cần Thơ, Việt Nam

³Học viên cao học, Trường Đại học Đồng Tháp, Việt Nam

*Tác giả liên hệ, Email: thulinh234145@gmail.com

Lịch sử bài báo

Ngày nhận: 24/4/2026; Ngày nhận chỉnh sửa: 12/5/2026; Ngày duyệt đăng: 16/5/2026

Tóm tắt

Nghiên cứu nhằm đánh giá thực trạng và đề xuất các biện pháp quản lý hoạt động phát triển năng lực số cho đội ngũ giáo viên các trường trung học cơ sở ở phường Tam Phước, tỉnh Đồng Nai trong bối cảnh chuyển đổi số giáo dục và thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018. Nghiên cứu sử dụng các phương pháp điều tra bằng bảng hỏi, phỏng vấn, quan sát và nghiên cứu hồ sơ chuyên môn với sự tham gia của 88 cán bộ quản lý và giáo viên. Kết quả nghiên cứu cho thấy năng lực số của giáo viên và công tác quản lý hoạt động phát triển năng lực số được đánh giá ở mức khá; các nhà trường đã quan tâm xây dựng kế hoạch, tổ chức bồi dưỡng, chỉ đạo, kiểm tra – đánh giá và bảo đảm các điều kiện hỗ trợ phát triển năng lực số cho giáo viên. Tuy nhiên, vẫn còn một số hạn chế như năng lực số giữa giáo viên chưa đồng đều, hạ tầng công nghệ và học liệu số chưa đồng bộ, hoạt động bồi dưỡng và kiểm tra – đánh giá chưa thật sự chuyên sâu và hệ thống. Trên cơ sở đó, nghiên cứu đề xuất 06 biện pháp quản lý nhằm nâng cao hiệu quả phát triển năng lực số cho đội ngũ giáo viên, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục và chuyển đổi số hiện nay.

Từ khóa: Chuyển đổi số giáo dục, giáo viên trung học cơ sở năng lực số, phát triển năng lực số, quản lý giáo dục.

Trích dẫn: Phan, T. N., Nguyễn Thị, T. L., & Nguyễn, M. T. (2026). Quản lý hoạt động phát triển năng lực số cho đội ngũ giáo viên các trường trung học cơ sở ở phường Tam Phước, tỉnh Đồng Nai. *Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Tháp*, 15(02S), 209-223. <https://doi.org/10.52714/dthu.sch.3425.1933>

Copyright © 2025 The author(s). This work is licensed under a CC BY-NC 4.0 License.

MANAGEMENT OF DIGITAL COMPETENCE DEVELOPMENT FOR TEACHERS AT LOWER SECONDARY SCHOOLS IN TAM PHUOC WARD, DONG NAI PROVINCE

Phan Trong Nam¹, Nguyen Minh Tuan² và Nguyen Thi Thu Linh³

¹Research Affairs Office, Dong Thap University, Cao Lanh 870000, Vietnam

²Department of Training Management, Can Tho University of Technology, Vietnam

³Postgraduate, Dong Thap University, Cao Lanh 870000, Vietnam

**Corresponding author, Email: thulinh234145@gmail.com*

Article history

Received: 24/4/2026; Received in revised form: 12/5/2026; Accepted: 16/5/2026

Abstract

The study aims to assess the current situation and propose management measures for developing digital competence among teachers at lower secondary schools in Tam Phuoc Ward, Dong Nai Province, in the context of educational digital transformation and the implementation of the 2018 General Education Program. The study employed questionnaires, interviews, observations, and document analysis with the participation of 88 administrators and teachers. The findings indicate that teachers' digital competence and the management of digital competence development activities were rated at a fairly good level. Schools have paid attention to planning, organizing professional development activities, directing implementation, conducting evaluation, and ensuring supporting conditions for teachers' digital competence development. However, several limitations remain, including uneven digital competence among teachers, inadequate technological infrastructure and digital learning resources, and insufficiently systematic training and evaluation activities. Based on the findings, the study proposes six management measures to improve the effectiveness of digital competence development for teachers, contributing to meeting the requirements of educational innovation and digital transformation in the current context.

Keywords: *Digital competence, digital competence development, educational management, educational digital transformation, lower secondary school teachers.*

1. Giới thiệu

Trong bối cảnh chuyển đổi số đang diễn ra mạnh mẽ trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội, giáo dục được xác định là một trong những lĩnh vực ưu tiên thực hiện chuyển đổi số nhằm nâng cao chất lượng dạy học và đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục. Việc triển khai Chương trình giáo dục phổ thông 2018 đòi hỏi giáo viên không chỉ đổi mới phương pháp dạy học mà còn phải có khả năng ứng dụng công nghệ số trong tổ chức dạy học, kiểm tra – đánh giá và hỗ trợ học sinh học tập trong môi trường số. Vì vậy, năng lực số đã trở thành một trong những năng lực nghề nghiệp quan trọng của đội ngũ giáo viên trung học cơ sở hiện nay.

Trong những năm gần đây, ngành giáo dục đã quan tâm thúc đẩy phát triển năng lực số cho giáo viên thông qua nhiều hoạt động như tập huấn, bồi dưỡng, triển khai dạy học trực tuyến, xây dựng học liệu số và ứng dụng các nền tảng công nghệ trong quản lý và dạy học. Tuy nhiên, thực tiễn cho thấy năng lực số của giáo viên vẫn còn tồn tại sự chênh lệch giữa các cá nhân và giữa các nhà trường; việc ứng dụng công nghệ trong dạy học ở nhiều nơi còn mang tính hình thức, chưa khai thác hiệu quả các công cụ và môi trường số phục vụ đổi mới giáo dục. Điều này đặt ra yêu cầu cần tăng cường quản lý hoạt động phát triển năng lực số cho giáo viên theo hướng bài bản, đồng bộ và phù hợp với điều kiện thực tiễn của từng địa phương.

Phường Tam Phước, tỉnh Đồng Nai là địa bàn có tốc độ đô thị hóa và phát triển kinh tế – xã hội khá nhanh, với đặc điểm dân cư đa dạng và nhu cầu giáo dục ngày càng cao. Những năm gần đây, các trường trung học cơ sở trên địa bàn đã quan tâm triển khai các hoạt động ứng dụng công nghệ số trong dạy học và từng bước thúc đẩy chuyển đổi số trong giáo dục. Tuy nhiên, quá trình phát triển năng lực số cho đội ngũ giáo viên vẫn còn gặp một số khó khăn liên quan đến sự không đồng đều về trình độ công nghệ, điều kiện cơ sở vật chất, hạ tầng công nghệ thông tin và cơ chế hỗ trợ trong nhà trường.

Từ những vấn đề trên, việc nghiên cứu thực trạng và đề xuất các biện pháp quản lý hoạt động phát triển năng lực số cho đội ngũ giáo viên các trường trung học cơ sở ở phường Tam Phước, tỉnh Đồng Nai có ý nghĩa lý luận và thực tiễn quan trọng. Kết quả nghiên cứu góp phần làm rõ cơ sở khoa học của hoạt động quản lý phát triển năng lực số cho giáo viên, đồng thời đề xuất các giải pháp phù hợp nhằm nâng cao chất lượng dạy học, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục và chuyển đổi số trong giai đoạn hiện nay.

2. Tổng quan nghiên cứu về năng lực số trong giáo dục

2.1. Nghiên cứu quốc tế về năng lực số và phát triển năng lực số cho giáo viên

Trong bối cảnh chuyển đổi số giáo dục diễn ra mạnh mẽ trên toàn cầu, năng lực số của giáo viên trở thành một trong những chủ đề được nhiều tổ chức và nhà nghiên cứu quan tâm. Các nghiên cứu quốc tế chủ yếu tập trung vào việc xây dựng khung năng lực số, xác định các thành tố năng lực, đánh giá mức độ đáp ứng của giáo viên và đề xuất các giải pháp phát triển năng lực số trong môi trường giáo dục hiện đại.

Nhiều tổ chức quốc tế đã xây dựng các khung tham chiếu về năng lực số nhằm hỗ trợ hoạt động đào tạo và bồi dưỡng giáo viên. Tiêu biểu là khung DigCompEdu do Redecker (2017) đề xuất, xác định các nhóm năng lực quan trọng của giáo viên trong môi trường số như: sử dụng công nghệ trong dạy học, kiểm tra – đánh giá, hỗ trợ người học và phát triển chuyên môn. UNESCO (2018), JISC (2017), Ferrar (2013) và Vuorikari và cộng sự (2022) cũng đã xây dựng các khung năng lực số theo hướng tiếp cận toàn diện, nhấn mạnh khả năng vận dụng công nghệ một cách hiệu quả, an toàn và sáng tạo trong hoạt động giáo dục.

Bên cạnh việc xây dựng khung lý thuyết, nhiều nghiên cứu tập trung làm rõ vai trò của năng lực số đối với hoạt động dạy học và phát triển nghề nghiệp của giáo viên. Caena và Redecker (2019) cho rằng năng lực số không chỉ dừng lại ở kỹ năng sử dụng công nghệ mà

còn gắn với năng lực sư phạm và khả năng thích ứng với môi trường giáo dục số. Falloon (2020) nhấn mạnh giáo viên cần có khả năng tích hợp công nghệ với phương pháp dạy học nhằm phát triển năng lực người học trong bối cảnh giáo dục hiện đại. Các nghiên cứu của Basilotta-Gómez và cộng sự (2022), Hämäläinen và cộng sự (2020), McCarthy và cộng sự (2023) đều cho thấy năng lực số có ảnh hưởng trực tiếp đến đổi mới phương pháp dạy học, hiệu quả kiểm tra – đánh giá và khả năng tổ chức học tập trong môi trường số.

Ngoài ra, một số nghiên cứu tiếp cận theo hướng quản lý và phát triển năng lực số cho giáo viên. Tulowitzki và cộng sự (2022) cho rằng vai trò của lãnh đạo nhà trường, môi trường học tập số, chính sách hỗ trợ và hoạt động bồi dưỡng có ảnh hưởng quan trọng đến hiệu quả phát triển năng lực số của giáo viên. Các nghiên cứu quốc tế nhìn chung đều thống nhất rằng phát triển năng lực số cần được thực hiện một cách thường xuyên, liên tục và gắn với thực tiễn dạy học nhằm đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số trong giáo dục.

2.2. Nghiên cứu trong nước về năng lực số trong giáo dục

Tại Việt Nam, năng lực số trong giáo dục được quan tâm mạnh mẽ trong bối cảnh chuyển đổi số quốc gia và đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục. Về chính sách, nhiều văn kiện của Bộ Chính trị (2019, 2025) và Ban Chấp hành Trung ương (2024) khẳng định vai trò của khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, coi năng lực số là yêu cầu quan trọng đối với nguồn nhân lực. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2025) đã ban hành khung năng lực số cho người học, đặt ra yêu cầu tương ứng cho giáo viên; Bộ Khoa học và Công nghệ (2024) cũng ban hành khung kiến thức, kỹ năng số cơ bản, góp phần định hướng phát triển năng lực số trong xã hội và giáo dục.

Về nghiên cứu khoa học, nhiều công trình tập trung đánh giá thực trạng năng lực số của giáo viên. Trần (2025) cho rằng năng lực số của giáo viên còn chưa đồng đều, chủ yếu dừng ở mức sử dụng công cụ cơ bản, trong khi các năng lực nâng cao như thiết kế học liệu số, dạy học trực tuyến, khai thác dữ liệu học tập còn hạn chế. Nguyễn và cộng sự (2023) chỉ ra công tác phát triển năng lực số trong các cơ sở giáo dục thiếu tính hệ thống, chưa gắn kết chặt chẽ giữa lập kế hoạch, tổ chức, chỉ đạo và kiểm tra – đánh giá. Một số nghiên cứu khác tiếp cận theo hướng tổng quan và quản lý, nhấn mạnh vai trò của công nghệ trong đào tạo giáo viên (Phan & Nguyen, 2025), sự phối hợp quản lý trong phát triển năng lực số (Nguyen & Phan, 2025), và xu hướng nghiên cứu năng lực kỹ thuật số cho nhà giáo dục (Huynh & Phan, 2026).

Tuy nhiên, phần lớn các nghiên cứu mới dừng lại ở đánh giá thực trạng hoặc đề xuất giải pháp chung, chưa đi sâu vào quản lý hoạt động phát triển năng lực số một cách hệ thống, đặc biệt ở cấp trung học cơ sở và trong bối cảnh cụ thể của từng địa phương. Các nội dung như quản lý kế hoạch, tổ chức thực hiện, kiểm tra – đánh giá và quản lý điều kiện bảo đảm chưa được nghiên cứu đầy đủ. Do đó, vẫn còn khoảng trống nghiên cứu về quản lý phát triển năng lực số cho giáo viên gắn với thực tiễn địa phương, là cơ sở để triển khai nghiên cứu tại các trường THCS ở phường Tam Phước, tỉnh Đồng Nai.

3. Phương pháp nghiên cứu

3.1. Nhóm phương pháp nghiên cứu lý luận

Nhóm phương pháp nghiên cứu lý luận được sử dụng nhằm xây dựng cơ sở khoa học cho đề tài thông qua việc phân tích, tổng hợp và hệ thống hóa các văn bản pháp lý, tài liệu khoa học và các công trình nghiên cứu liên quan đến năng lực số, phát triển năng lực số và quản lý hoạt động phát triển năng lực số cho giáo viên trung học cơ sở. Các tài liệu được nghiên cứu bao gồm Luật Giáo dục năm 2019; các văn bản về chuyển đổi số trong giáo dục; các văn bản hướng dẫn thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018; quy định về chuẩn nghề nghiệp giáo viên và các công trình nghiên cứu trong và ngoài nước có liên quan. Kết quả

nghiên cứu lý luận là cơ sở để xây dựng khung lý thuyết và thiết kế công cụ khảo sát của đề tài.

3.2. Nhóm phương pháp nghiên cứu thực tiễn

Nhóm phương pháp nghiên cứu thực tiễn được sử dụng nhằm thu thập dữ liệu phản ánh thực trạng năng lực số và quản lý hoạt động phát triển năng lực số cho đội ngũ giáo viên các trường trung học cơ sở ở phường Tam Phước, tỉnh Đồng Nai. Các phương pháp được sử dụng gồm điều tra bằng phiếu khảo sát, phỏng vấn, quan sát và nghiên cứu hồ sơ, tài liệu.

Phương pháp điều tra bằng phiếu khảo sát được thực hiện thông qua Google Forms đối với cán bộ quản lý và giáo viên trung học cơ sở tại địa bàn nghiên cứu. Nội dung khảo sát tập trung vào: năng lực số của giáo viên; hoạt động phát triển năng lực số; quản lý hoạt động phát triển năng lực số theo các chức năng quản lý; các điều kiện bảo đảm và các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động phát triển năng lực số. Tổng số 88 phiếu khảo sát hợp lệ được sử dụng để phân tích dữ liệu nghiên cứu. Nội dung khảo sát được thực hiện tại địa chỉ: <https://forms.gle/KzDfjWYifie4cvH7>

Nghiên cứu cũng sử dụng phương pháp phỏng vấn đối với một số cán bộ quản lý, tổ trưởng chuyên môn và giáo viên nhằm thu thập thêm thông tin định tính liên quan đến thực trạng và những khó khăn trong phát triển năng lực số. Đồng thời, phương pháp quan sát được thực hiện thông qua dự giờ và quan sát các hoạt động dạy học có ứng dụng công nghệ số nhằm kiểm chứng các thông tin khảo sát.

Nghiên cứu sử dụng thang đo Likert 5 mức độ với các mức đánh giá từ rất thấp đến rất cao; từ không thực hiện đến thực hiện rất thường xuyên; từ không ảnh hưởng đến ảnh hưởng rất nhiều tùy theo từng nhóm nội dung khảo sát.

3.3. Phương pháp thống kê toán học

Dữ liệu khảo sát sau khi thu thập được xử lý bằng phương pháp thống kê toán học thông qua phần mềm Microsoft Excel. Các chỉ số như giá trị trung bình (Mean) và ĐL (Standard Deviation) được sử dụng để phân tích và đánh giá mức độ thực hiện các nội dung nghiên cứu. Giá trị trung bình được quy ước theo 5 mức: từ 1.00 đến 1.80 là rất thấp; từ 1.81 đến 2.60 là thấp; từ 2.61 đến 3.40 là trung bình; từ 3.41 đến 4.20 là cao; và từ 4.21 đến 5.00 là rất cao.

4. Kết quả và thảo luận

4.1. Thực trạng năng lực số của giáo viên các trường trung học cơ sở ở phường Tam Phước, tỉnh Đồng Nai

Kết quả khảo sát cho thấy năng lực số của giáo viên các trường trung học cơ sở ở phường Tam Phước được đánh giá ở mức cao. Đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên đều có nhận thức tích cực về vai trò của năng lực số trong bối cảnh thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018 và chuyên đổi số giáo dục. Các nội dung liên quan đến vai trò của năng lực số trong đổi mới phương pháp dạy học, tổ chức dạy học, kiểm tra - đánh giá và phát triển chuyên môn đều được đánh giá ở mức cao, với điểm trung bình dao động từ 4,11 đến 4,22.

Về thực trạng năng lực số, giáo viên đã có khả năng ứng dụng công nghệ trong tổ chức dạy học, kiểm tra – đánh giá, khai thác học liệu số và phát triển chuyên môn trong môi trường số. Nội dung được đánh giá cao nhất là phát triển chuyên môn trong môi trường số (ĐTB = 3,99), tiếp đến là ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong giáo dục (ĐTB = 3,93). Các nội dung còn lại như tổ chức dạy học trong môi trường số, kiểm tra – đánh giá, trao quyền cho người học và năng lực công dân số đều đạt mức cao với điểm trung bình từ 3,76 đến 3,82.

Các phương pháp và hình thức phát triển năng lực số cho giáo viên được triển khai

tương đối đa dạng. Giáo viên chủ yếu phát triển năng lực số thông qua tự học, tự nghiên cứu và khai thác tài nguyên số (ĐTB = 4,10); tham gia các khóa học trực tuyến và nền tảng số (ĐTB = 3,99); giải quyết các tình huống thực tiễn trong dạy học số (ĐTB = 4,00). Bên cạnh đó, các hình thức như sinh hoạt chuyên môn, dự giờ – thao giảng, hội thảo và tập huấn cũng được triển khai thường xuyên với điểm trung bình từ 3,84 đến 3,97.

Kết quả khảo sát cũng cho thấy các điều kiện bảo đảm cho phát triển năng lực số cơ bản đáp ứng yêu cầu thực tiễn. Nội dung được đánh giá cao nhất là sự chỉ đạo, hỗ trợ của nhà trường và cấp quản lý (ĐTB = 3.99), tiếp theo là hạ tầng công nghệ thông tin và đội ngũ hỗ trợ kỹ thuật (ĐTB = 3.89). Các nội dung về cơ sở vật chất, học liệu số và cơ chế hỗ trợ kinh phí đều đạt mức cao với điểm trung bình từ 3.80 đến 3.86.

Hoạt động phát triển năng lực số bước đầu mang lại hiệu quả tích cực trong đổi mới dạy học và đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số giáo dục. Nội dung đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số trong giáo dục được đánh giá cao nhất (ĐTB = 3,98), tiếp đến là đáp ứng yêu cầu thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018 (ĐTB = 3,94) và tăng cường khả năng tự học, phát triển nghề nghiệp của giáo viên (ĐTB = 3,92).

Tuy nhiên, kết quả phỏng vấn cho thấy vẫn còn một số hạn chế như: năng lực số giữa giáo viên chưa đồng đều; một bộ phận giáo viên còn hạn chế trong thiết kế học liệu số, ứng dụng công nghệ nâng cao và khai thác dữ liệu học tập; hạ tầng công nghệ ở một số trường chưa đồng bộ; thời gian dành cho tự học và bồi dưỡng còn hạn chế. Những vấn đề này ảnh hưởng nhất định đến hiệu quả phát triển năng lực số và cần tiếp tục được quan tâm khắc phục trong thời gian tới.

4.2. Thực trạng công tác quản lý phát triển năng lực số cho đội ngũ giáo viên

4.2.1. Thực trạng công tác lập kế hoạch phát triển năng lực số

Bảng 1. Kết quả đánh giá về công tác lập kế hoạch phát triển năng lực số cho đội ngũ giáo viên

TT	Nội dung đánh giá	ĐTB	ĐLC
1	Xây dựng kế hoạch phát triển năng lực số cho giáo viên phù hợp với mục tiêu giáo dục của nhà trường	3,86	0,68
2	Xác định rõ mục tiêu, nội dung và lộ trình phát triển năng lực số cho giáo viên	4,02	0,68
3	Kế hoạch được xây dựng dựa trên nhu cầu thực tế và năng lực hiện có của giáo viên	3,99	0,70
4	Kế hoạch gắn với yêu cầu chuyển đổi số và thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018	4,00	0,77
5	Có sự tham gia của tổ chuyên môn và giáo viên trong quá trình xây dựng kế hoạch	3,94	0,79
6	Kế hoạch được rà soát, điều chỉnh kịp thời trong quá trình thực hiện	3,98	0,77

Kết quả khảo sát ở Bảng 1 cho thấy công tác lập kế hoạch phát triển năng lực số cho đội ngũ giáo viên được đánh giá ở mức cao, với ĐTB dao động từ 3,86 đến 4,02. Nội dung được đánh giá cao nhất là “Xác định rõ mục tiêu, nội dung và lộ trình phát triển năng lực số cho giáo viên” (ĐTB = 4,02), tiếp theo là “Kế hoạch gắn với yêu cầu chuyển đổi số và thực hiện

Chương trình giáo dục phổ thông 2018” (ĐTB = 4,00) và “Kế hoạch được xây dựng dựa trên nhu cầu thực tế và năng lực hiện có của giáo viên” (ĐTB = 3,99). Điều này cho thấy các nhà trường đã quan tâm xây dựng kế hoạch tương đối cụ thể và phù hợp với yêu cầu đổi mới giáo dục.

Các nội dung như rà soát, điều chỉnh kế hoạch trong quá trình thực hiện (ĐTB = 3,98), sự tham gia của tổ chuyên môn và giáo viên (ĐTB = 3,94) và xây dựng kế hoạch phù hợp với mục tiêu giáo dục của nhà trường (ĐTB = 3,86) tuy đạt mức cao nhưng thấp hơn, cho thấy tính linh hoạt và mức độ tham gia của giáo viên trong quá trình lập kế hoạch còn hạn chế nhất định. DLC dao động từ 0,68 đến 0,79 phản ánh sự tương đối thống nhất trong đánh giá của các đối tượng khảo sát.

Kết quả phỏng vấn cho thấy các nhà trường đã xây dựng kế hoạch phát triển năng lực số gắn với kế hoạch năm học và yêu cầu chuyển đổi số; đồng thời tổ chức tập huấn, hỗ trợ học liệu và nền tảng số cho giáo viên. Tuy nhiên, quá trình triển khai vẫn gặp khó khăn về kinh phí, thiết bị, hạ tầng công nghệ, sự chênh lệch trình độ giữa giáo viên và quỹ thời gian dành cho bồi dưỡng. Vì vậy, công tác lập kế hoạch cần tiếp tục được hoàn thiện theo hướng tăng cường tính linh hoạt, sự tham gia của giáo viên và bảo đảm điều kiện triển khai phù hợp với thực tiễn nhà trường.

4.2.2 Thực trạng tổ chức triển khai phát triển năng lực số cho đội ngũ giáo viên

Bảng 2. Kết quả đánh giá về thực trạng tổ chức triển khai phát triển năng lực số cho đội ngũ giáo viên

TT	Nội dung đánh giá	ĐTB	DLC
1	Triển khai kế hoạch phát triển năng lực số cho giáo viên đúng tiến độ và nội dung đã đề ra	3,81	0,74
2	Tổ chức các hoạt động bồi dưỡng năng lực số phù hợp với nhu cầu và điều kiện của nhà trường	3,85	0,77
3	Phân công nhiệm vụ cụ thể cho các cá nhân, bộ phận trong việc tổ chức bồi dưỡng năng lực số	3,93	0,80
4	Huy động sự tham gia tích cực của giáo viên trong các hoạt động phát triển năng lực số	3,94	0,78
5	Phối hợp hiệu quả giữa các tổ chuyên môn và các bộ phận liên quan trong quá trình thực hiện	3,89	0,76
6	Theo dõi, điều phối tiến độ thực hiện các hoạt động phát triển năng lực số	3,85	0,77

Kết quả khảo sát ở Bảng 2 cho thấy công tác tổ chức triển khai phát triển năng lực số cho đội ngũ giáo viên được đánh giá ở mức cao, với ĐTB dao động từ 3,81 đến 3,94. Nội dung được đánh giá cao nhất là “Huy động sự tham gia tích cực của giáo viên trong các hoạt động phát triển năng lực số” (ĐTB = 3,94), tiếp theo là “Phân công nhiệm vụ cụ thể cho các cá nhân, bộ phận” (ĐTB = 3,93). Điều này cho thấy các nhà trường đã quan tâm huy động giáo viên tham gia và phân công trách nhiệm tương đối rõ ràng trong quá trình triển khai.

Các nội dung như phối hợp giữa các tổ chuyên môn và các bộ phận liên quan (ĐTB = 3,89), tổ chức hoạt động bồi dưỡng phù hợp với nhu cầu thực tế (ĐTB = 3,85) và theo dõi, điều phối tiến độ thực hiện (ĐTB = 3,85) đều đạt mức cao. Tuy nhiên, nội dung “Triển khai kế hoạch đúng tiến độ và nội dung đề ra” có ĐTB thấp nhất (ĐTB = 3,81), cho thấy quá trình

triển khai vẫn còn chịu ảnh hưởng bởi điều kiện thực tế của nhà trường. DLC dao động từ 0,74 đến 0,80 phản ánh sự tương đối thống nhất trong đánh giá của các đối tượng khảo sát.

Kết quả phỏng vấn cho thấy hoạt động phát triển năng lực số được triển khai thông qua tập huấn, sinh hoạt chuyên môn, dự giờ – rút kinh nghiệm và chia sẻ học liệu số. Ban giám hiệu giữ vai trò chỉ đạo, phân công; tổ trưởng chuyên môn và giáo viên cốt cán là lực lượng trực tiếp hỗ trợ giáo viên trong quá trình thực hiện.

Tuy nhiên, việc theo dõi tiến độ và phối hợp giữa các bộ phận chưa thật sự đồng đều; một số hoạt động bồi dưỡng còn mang tính ngắn hạn và chưa có tính liên tục. Bên cạnh đó, khó khăn về thời gian, kinh phí, hạ tầng công nghệ và sự chênh lệch năng lực số giữa giáo viên cũng ảnh hưởng đến hiệu quả tổ chức triển khai hoạt động phát triển năng lực số trong nhà trường.

4.2.3. Thực trạng công tác chỉ đạo, điều hành phát triển năng lực số cho đội ngũ giáo viên

Bảng 3. Kết quả đánh giá về thực trạng chỉ đạo phát triển năng lực số cho đội ngũ giáo viên

TT	Nội dung đánh giá	ĐTB	DLC
1	Ban giám hiệu chỉ đạo triển khai các hoạt động phát triển năng lực số một cách thường xuyên và nhất quán	3,83	0,66
2	Có hướng dẫn cụ thể cho giáo viên trong việc thực hiện các hoạt động bồi dưỡng năng lực số	3,86	0,68
3	Kịp thời điều chỉnh các hoạt động phát triển năng lực số phù hợp với tình hình thực tế	3,93	0,69
4	Động viên, khuyến khích giáo viên tích cực tham gia và đổi mới trong ứng dụng công nghệ số	4,00	0,69
5	Giải quyết kịp thời những khó khăn, vướng mắc của giáo viên trong quá trình thực hiện	3,97	0,78
6	Tạo môi trường thuận lợi để giáo viên phát huy sáng tạo trong ứng dụng công nghệ số	4,01	0,69

Kết quả khảo sát ở Bảng 3 cho thấy công tác chỉ đạo, điều hành phát triển năng lực số cho đội ngũ giáo viên được đánh giá ở mức cao, với ĐTB dao động từ 3,83 đến 4,01. Nội dung được đánh giá cao nhất là “Tạo môi trường thuận lợi để giáo viên phát huy sáng tạo trong ứng dụng công nghệ số” (ĐTB = 4,01), tiếp theo là “Động viên, khuyến khích giáo viên tích cực tham gia và đổi mới trong ứng dụng công nghệ số” (ĐTB = 4,00). Điều này cho thấy ban giám hiệu đã quan tâm tạo môi trường hỗ trợ và động lực cho giáo viên phát triển năng lực số.

Các nội dung như giải quyết khó khăn cho giáo viên (ĐTB = 3,97), điều chỉnh hoạt động phù hợp với thực tế (ĐTB = 3,93) và hướng dẫn cụ thể cho giáo viên (ĐTB = 3,86) cũng được đánh giá ở mức cao. Tuy nhiên, nội dung “Chỉ đạo triển khai thường xuyên và nhất quán” có ĐTB thấp nhất (ĐTB = 3,83), cho thấy công tác chỉ đạo ở một số thời điểm chưa thật sự đồng bộ và liên tục. DLC dao động từ 0,66 đến 0,78 phản ánh sự tương đối thống nhất trong đánh giá của các đối tượng khảo sát.

Kết quả phỏng vấn cho thấy ban giám hiệu đã triển khai nhiều hoạt động như tập huấn, sinh hoạt chuyên môn, dự giờ – rút kinh nghiệm và xây dựng học liệu số; tổ trưởng chuyên

môn giữ vai trò hỗ trợ, hướng dẫn giáo viên ứng dụng công nghệ trong dạy học. Tuy nhiên, việc chỉ đạo ở một số nội dung còn thiếu tính hệ thống; hoạt động kiểm tra, giám sát và điều chỉnh chưa thật sự kịp thời. Ngoài ra, những khó khăn về thời gian, kinh phí, hạ tầng công nghệ và sự chênh lệch trình độ công nghệ giữa giáo viên cũng ảnh hưởng đến hiệu quả công tác chỉ đạo và điều hành.

Nhìn chung, công tác chỉ đạo, điều hành phát triển năng lực số cho đội ngũ giáo viên tại các trường trung học cơ sở ở phường Tam Phước đã được triển khai tương đối tích cực, góp phần thúc đẩy ứng dụng công nghệ số trong dạy học. Tuy nhiên, cần tiếp tục tăng cường tính nhất quán và nâng cao hiệu quả điều hành nhằm đáp ứng tốt hơn yêu cầu chuyển đổi số trong giáo dục.

4.2.4. Thực trạng công tác kiểm tra, giám sát và đánh giá việc phát triển năng lực số cho đội ngũ giáo viên

Bảng 4. Kết quả đánh giá về thực trạng kiểm tra, đánh giá việc phát triển năng lực số cho đội ngũ giáo viên

TT	Nội dung đánh giá	ĐTB	ĐLC
1	Xây dựng kế hoạch kiểm tra, đánh giá hoạt động phát triển năng lực số cho giáo viên	3,86	0,75
2	Xây dựng tiêu chí, công cụ đánh giá năng lực số của giáo viên phù hợp với yêu cầu thực tiễn	3,94	0,70
3	Tổ chức kiểm tra, đánh giá định kỳ việc phát triển năng lực số của giáo viên	3,84	0,79
4	Sử dụng kết quả kiểm tra, đánh giá để điều chỉnh hoạt động bồi dưỡng năng lực số	3,91	0,78
5	Thực hiện phản hồi kịp thời cho giáo viên về kết quả đánh giá năng lực số	3,91	0,83
6	Kết hợp nhiều hình thức đánh giá (tự đánh giá, đánh giá đồng nghiệp, đánh giá của nhà trường)	3,94	0,76

Kết quả khảo sát ở Bảng 4 cho thấy công tác kiểm tra, giám sát và đánh giá việc phát triển năng lực số cho đội ngũ giáo viên được đánh giá ở mức cao, với ĐTB dao động từ 3,84 đến 3,94. Nội dung được đánh giá cao nhất là “Xây dựng tiêu chí, công cụ đánh giá năng lực số của giáo viên phù hợp với yêu cầu thực tiễn” và “Kết hợp nhiều hình thức đánh giá” (cùng ĐTB = 3,94), cho thấy các nhà trường đã bước đầu chú trọng đa dạng hóa hoạt động đánh giá năng lực số của giáo viên.

Các nội dung như sử dụng kết quả đánh giá để điều chỉnh hoạt động bồi dưỡng và phản hồi kịp thời cho giáo viên (cùng ĐTB = 3,91) cũng được đánh giá ở mức cao, phản ánh hoạt động đánh giá đã hỗ trợ bước đầu cho việc cải tiến hoạt động phát triển năng lực số. Tuy nhiên, nội dung “Tổ chức kiểm tra, đánh giá định kỳ” có ĐTB thấp nhất (ĐTB = 3,84), cho thấy công tác kiểm tra, giám sát chưa thật sự thường xuyên và đồng bộ. ĐLC dao động từ 0,70 đến 0,83 phản ánh sự tương đối thống nhất trong đánh giá của các đối tượng khảo sát.

Kết quả phỏng vấn cho thấy hoạt động kiểm tra, đánh giá hiện nay chủ yếu được thực hiện thông qua dự giờ, đánh giá bài giảng số, theo dõi mức độ ứng dụng công nghệ trong dạy học và phản hồi trong sinh hoạt chuyên môn. Nhà trường đã bước đầu sử dụng kết quả đánh giá để điều chỉnh nội dung bồi dưỡng và hỗ trợ giáo viên phát triển năng lực số.

Tuy nhiên, vẫn còn một số hạn chế như thiếu tiêu chí và công cụ đánh giá chuẩn hóa; hoạt động đánh giá còn mang tính định tính; việc phản hồi và điều chỉnh chưa thật sự thường xuyên. Ngoài ra, khó khăn về thời gian, kinh phí và sự chênh lệch năng lực công nghệ giữa giáo viên cũng ảnh hưởng đến hiệu quả kiểm tra, giám sát và đánh giá hoạt động phát triển năng lực số trong nhà trường.

4.2.5. Quản lý các điều kiện bảo đảm phát triển năng lực số cho đội ngũ giáo viên

Bảng 5. Kết quả đánh giá về thực trạng quản lý các điều kiện phát triển năng lực số cho đội ngũ giáo viên

TT	Nội dung đánh giá	ĐTB	ĐLC
1	Quản lý việc đầu tư, sử dụng cơ sở vật chất và thiết bị công nghệ phục vụ phát triển năng lực số	3,88	0,64
2	Quản lý việc khai thác và sử dụng hiệu quả các nguồn học liệu số trong nhà trường	3,89	0,73
3	Tổ chức bồi dưỡng và sử dụng hiệu quả đội ngũ giáo viên trong phát triển năng lực số	3,97	0,67
4	Quản lý việc đảm bảo hạ tầng công nghệ thông tin (mạng Internet, phần mềm, hệ thống số)	3,97	0,69
5	Quản lý việc huy động và sử dụng kinh phí cho hoạt động phát triển năng lực số	3,94	0,76
6	Xây dựng môi trường số thuận lợi, hỗ trợ giáo viên phát triển và ứng dụng công nghệ số	3,98	0,66

Kết quả khảo sát ở Bảng 5 cho thấy công tác quản lý các điều kiện bảo đảm phát triển năng lực số cho đội ngũ giáo viên được đánh giá ở mức cao, với ĐTB dao động từ 3,88 đến 3,98. Nội dung được đánh giá cao nhất là “Xây dựng môi trường số thuận lợi, hỗ trợ giáo viên phát triển và ứng dụng công nghệ số” (ĐTB = 3,98), tiếp theo là “Tổ chức bồi dưỡng và sử dụng hiệu quả đội ngũ giáo viên” và “Quản lý việc đảm bảo hạ tầng công nghệ thông tin” (cùng ĐTB = 3,97). Điều này cho thấy các nhà trường đã quan tâm tạo môi trường và điều kiện hỗ trợ cho hoạt động phát triển năng lực số.

Các nội dung như quản lý kinh phí (ĐTB = 3,94), khai thác và sử dụng học liệu số (ĐTB = 3,89) và đầu tư, sử dụng cơ sở vật chất, thiết bị công nghệ (ĐTB = 3,88) cũng được đánh giá ở mức cao nhưng thấp hơn, cho thấy việc quản lý và khai thác nguồn lực phục vụ phát triển năng lực số vẫn còn một số hạn chế. ĐLC dao động từ 0,64 đến 0,76 phản ánh sự tương đối thống nhất trong đánh giá của các đối tượng khảo sát.

Kết quả phỏng vấn cho thấy nhà trường đã quan tâm đầu tư cơ sở vật chất, trang bị thiết bị công nghệ, hệ thống Internet và xây dựng kho học liệu số phục vụ dạy học. Đồng thời, giáo viên được tạo điều kiện tham gia tập huấn, bồi dưỡng và hỗ trợ kỹ thuật trong quá trình ứng dụng công nghệ số.

Tuy nhiên, hạ tầng công nghệ và thiết bị giữa các trường chưa đồng bộ; đường truyền Internet đôi lúc chưa ổn định; nguồn học liệu số và kinh phí hỗ trợ còn hạn chế; việc khai thác học liệu số của giáo viên chưa đồng đều. Vì vậy, cần tiếp tục tăng cường đầu tư và quản lý hiệu quả các điều kiện bảo đảm nhằm đáp ứng tốt hơn yêu cầu chuyển đổi số trong giáo dục.

4.3. Đề xuất các biện pháp quản lý hoạt động phát triển năng lực số cho đội ngũ giáo viên các trường trung học cơ sở ở phường Tam Phước

4.3.1. Đổi mới công tác lập kế hoạch phát triển năng lực số cho đội ngũ giáo viên theo hướng phân hóa trình độ, bám sát nhu cầu thực tiễn và yêu cầu chuyển đổi số trong giáo dục

Mục tiêu của biện pháp: Nâng cao chất lượng công tác lập kế hoạch phát triển năng lực số cho đội ngũ giáo viên theo hướng khoa học, phù hợp với nhu cầu thực tiễn và yêu cầu chuyển đổi số trong giáo dục.

Nội dung của biện pháp: Công tác lập kế hoạch cần được thực hiện trên cơ sở đánh giá thực trạng năng lực số của giáo viên, bám sát yêu cầu thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018 và định hướng chuyển đổi số. Kế hoạch cần xác định rõ mục tiêu, nội dung, lộ trình và hình thức bồi dưỡng phù hợp với từng nhóm giáo viên, tập trung vào các năng lực còn hạn chế như thiết kế học liệu số, kiểm tra – đánh giá trong môi trường số và ứng dụng AI trong dạy học.

Cách thức thực hiện: Ban giám hiệu tổ chức khảo sát, đánh giá thực trạng năng lực số của giáo viên làm cơ sở xây dựng kế hoạch; đồng thời lấy ý kiến tổ chuyên môn và giáo viên nhằm bảo đảm tính phù hợp và khả thi. Kế hoạch cần được công khai, triển khai theo lộ trình cụ thể và thường xuyên rà soát, điều chỉnh trên cơ sở kết quả thực hiện.

Điều kiện thực hiện: Ban giám hiệu cần có năng lực xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch phát triển năng lực số. Nhà trường cần bảo đảm các điều kiện về cơ sở vật chất, hạ tầng công nghệ, học liệu số và kinh phí; tổ chuyên môn và giáo viên cần tích cực phối hợp và chủ động tham gia các hoạt động phát triển năng lực số.

4.3.2. Tổ chức bồi dưỡng phát triển năng lực số cho giáo viên theo hướng cá thể hóa, tăng cường thực hành chuyên sâu và hỗ trợ thường xuyên, phù hợp với sự không đồng đều về trình độ của giáo viên

Mục tiêu của biện pháp: Nâng cao hiệu quả hoạt động bồi dưỡng phát triển năng lực số cho giáo viên theo hướng phù hợp với trình độ, nhu cầu và đặc thù của từng giáo viên; góp phần thu hẹp khoảng cách về năng lực số giữa các giáo viên trong nhà trường.

Nội dung của biện pháp: Hoạt động bồi dưỡng cần được tổ chức theo hướng phân loại giáo viên theo mức độ năng lực số để xây dựng nội dung phù hợp. Nội dung bồi dưỡng tập trung vào các kỹ năng thiết thực như thiết kế bài giảng số, kiểm tra – đánh giá trực tuyến, khai thác học liệu số, ứng dụng AI và tổ chức dạy học trong môi trường số. Đồng thời, cần tăng cường bồi dưỡng theo hướng thực hành và hỗ trợ thường xuyên trong quá trình ứng dụng công nghệ.

Cách thức thực hiện: Nhà trường căn cứ kết quả khảo sát năng lực số của giáo viên để xây dựng kế hoạch bồi dưỡng phù hợp cho từng nhóm đối tượng. Các hoạt động bồi dưỡng cần kết hợp giữa tập huấn trực tiếp, trực tuyến, sinh hoạt chuyên môn, dự giờ – rút kinh nghiệm và tự học có hướng dẫn. Đồng thời, phát huy vai trò của giáo viên cốt cán và tổ trưởng chuyên môn trong việc hỗ trợ, hướng dẫn đồng nghiệp.

Điều kiện thực hiện: Ban giám hiệu cần quan tâm chỉ đạo và tạo điều kiện về thời gian, cơ sở vật chất, hạ tầng công nghệ và kinh phí phục vụ hoạt động bồi dưỡng. Tổ chuyên môn và giáo viên cốt cán cần tích cực hỗ trợ chuyên môn; giáo viên cần chủ động tham gia các hoạt động phát triển năng lực số và chia sẻ kinh nghiệm trong quá trình triển khai.

4.3.3. Tăng cường công tác tổ chức, chỉ đạo và phối hợp giữa các lực lượng trong phát triển năng lực số cho đội ngũ giáo viên

Mục tiêu của biện pháp: Nâng cao hiệu quả công tác tổ chức, chỉ đạo và phối hợp trong hoạt động phát triển năng lực số cho đội ngũ giáo viên; bảo đảm các hoạt động được triển khai thường xuyên, đồng bộ và phù hợp với yêu cầu chuyên đổi số trong giáo dục.

Nội dung của biện pháp: Nhà trường cần phát huy vai trò chỉ đạo của Ban giám hiệu, tổ trưởng chuyên môn và giáo viên cốt cán trong tổ chức hoạt động phát triển năng lực số. Đồng thời, tăng cường sự phối hợp giữa các tổ chuyên môn và các bộ phận liên quan trong triển khai tập huấn, sinh hoạt chuyên môn, xây dựng học liệu số và hỗ trợ giáo viên ứng dụng công nghệ trong dạy học.

Cách thức thực hiện: Ban giám hiệu phân công nhiệm vụ cụ thể cho các cá nhân, bộ phận trong triển khai hoạt động phát triển năng lực số; thường xuyên theo dõi, điều phối và hỗ trợ giáo viên trong quá trình thực hiện. Tổ chuyên môn cần đẩy mạnh sinh hoạt chuyên môn có ứng dụng công nghệ, chia sẻ kinh nghiệm, dự giờ – rút kinh nghiệm và hỗ trợ giáo viên giải quyết khó khăn trong thực tiễn dạy học số.

Điều kiện thực hiện: Ban giám hiệu, tổ trưởng chuyên môn và giáo viên cốt cán cần có năng lực tổ chức, hướng dẫn và hỗ trợ giáo viên trong phát triển năng lực số. Nhà trường cần bảo đảm cơ chế phối hợp, điều kiện về thời gian, hạ tầng công nghệ và môi trường làm việc tích cực nhằm nâng cao hiệu quả triển khai hoạt động phát triển năng lực số cho giáo viên.

4.3.4. Đổi mới công tác kiểm tra, giám sát và đánh giá hoạt động phát triển năng lực số cho đội ngũ giáo viên theo hướng thường xuyên, cụ thể và gắn với thực tiễn dạy học

Mục tiêu của biện pháp: Nâng cao hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát và đánh giá hoạt động phát triển năng lực số cho đội ngũ giáo viên; bảo đảm hoạt động đánh giá được thực hiện thường xuyên, khách quan và có tác dụng điều chỉnh hoạt động bồi dưỡng trong nhà trường.

Nội dung của biện pháp: Nhà trường cần xây dựng kế hoạch kiểm tra, giám sát và hệ thống tiêu chí đánh giá năng lực số của giáo viên phù hợp với yêu cầu thực tiễn và định hướng chuyên đổi số trong giáo dục. Hoạt động đánh giá cần kết hợp nhiều hình thức như tự đánh giá, đánh giá đồng nghiệp, đánh giá của tổ chuyên môn và Ban giám hiệu nhằm bảo đảm tính toàn diện và khách quan.

Cách thức thực hiện: Ban giám hiệu tổ chức kiểm tra, đánh giá định kỳ thông qua dự giờ, đánh giá bài giảng số, học liệu số và mức độ ứng dụng công nghệ trong dạy học. Kết quả đánh giá cần được phản hồi kịp thời cho giáo viên và sử dụng làm cơ sở điều chỉnh nội dung, hình thức bồi dưỡng năng lực số phù hợp với thực tế triển khai.

Điều kiện thực hiện: Nhà trường cần có hệ thống tiêu chí và công cụ đánh giá phù hợp; Ban giám hiệu và tổ chuyên môn cần có năng lực tổ chức kiểm tra, giám sát và hỗ trợ giáo viên sau đánh giá. Đồng thời, giáo viên cần có tinh thần hợp tác, chủ động tham gia hoạt động đánh giá và tự điều chỉnh quá trình phát triển năng lực số của bản thân.

4.3.5. Tăng cường quản lý và huy động hiệu quả các điều kiện bảo đảm phục vụ phát triển năng lực số cho đội ngũ giáo viên

Mục tiêu của biện pháp: Nâng cao hiệu quả quản lý và sử dụng các điều kiện bảo đảm phục vụ hoạt động phát triển năng lực số cho đội ngũ giáo viên; góp phần tạo môi trường thuận lợi cho giáo viên ứng dụng công nghệ số trong dạy học và phát triển chuyên môn.

Nội dung của biện pháp: Nhà trường cần tăng cường quản lý việc đầu tư, khai thác và sử dụng hiệu quả cơ sở vật chất, thiết bị công nghệ, học liệu số và hạ tầng công nghệ thông tin phục vụ hoạt động phát triển năng lực số. Đồng thời, chú trọng xây dựng môi trường số trong nhà trường, tăng cường hỗ trợ kỹ thuật và huy động các nguồn lực phục vụ hoạt động bồi dưỡng giáo viên.

Cách thức thực hiện: Ban giám hiệu rà soát thực trạng cơ sở vật chất, hạ tầng công nghệ và nhu cầu sử dụng của giáo viên để xây dựng kế hoạch đầu tư phù hợp. Nhà trường cần đẩy mạnh khai thác kho học liệu số, tăng cường sử dụng các nền tảng số trong quản lý và dạy học; đồng thời phối hợp với các tổ chuyên môn trong việc hỗ trợ giáo viên sử dụng thiết bị và ứng dụng công nghệ hiệu quả.

Điều kiện thực hiện: Nhà trường cần bảo đảm nguồn kinh phí, cơ sở vật chất, thiết bị công nghệ và hạ tầng Internet phục vụ hoạt động phát triển năng lực số. Ban giám hiệu, tổ chuyên môn và bộ phận hỗ trợ công nghệ thông tin cần có sự phối hợp chặt chẽ trong quản lý và khai thác các điều kiện bảo đảm; giáo viên cần chủ động sử dụng và phát huy hiệu quả các nguồn lực được trang bị.

4.3.6. Xây dựng môi trường và động lực thúc đẩy giáo viên chủ động tự học, tự bồi dưỡng và đổi mới trong phát triển năng lực số

Mục tiêu của biện pháp: Tạo môi trường thuận lợi và động lực tích cực nhằm khuyến khích giáo viên chủ động tự học, tự bồi dưỡng và nâng cao năng lực số, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục và chuyển đổi số trong nhà trường.

Nội dung của biện pháp: Nhà trường cần xây dựng môi trường làm việc khuyến khích đổi mới, chia sẻ kinh nghiệm và hỗ trợ giáo viên trong quá trình ứng dụng công nghệ số. Đồng thời, cần gắn việc phát triển năng lực số với công tác thi đua, đánh giá và khen thưởng nhằm tạo động lực cho giáo viên tích cực tham gia các hoạt động bồi dưỡng và đổi mới phương pháp dạy học.

Cách thức thực hiện: Ban giám hiệu và tổ chuyên môn cần tăng cường tổ chức sinh hoạt chuyên môn, diễn đàn trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm ứng dụng công nghệ số trong dạy học. Nhà trường cần khuyến khích giáo viên tham gia các khóa học trực tuyến, cộng đồng học tập chuyên môn và hoạt động tự bồi dưỡng; đồng thời biểu dương, khen thưởng kịp thời các giáo viên có thành tích tốt trong ứng dụng công nghệ số và đổi mới dạy học.

Điều kiện thực hiện: Ban giám hiệu cần có sự quan tâm, hỗ trợ và xây dựng cơ chế khuyến khích phù hợp đối với giáo viên trong phát triển năng lực số. Nhà trường cần bảo đảm môi trường làm việc tích cực, tạo điều kiện về thời gian, học liệu và hạ tầng công nghệ phục vụ hoạt động tự học, tự bồi dưỡng của giáo viên.

5. Kết luận

Phát triển năng lực số cho đội ngũ giáo viên là yêu cầu quan trọng nhằm đáp ứng đổi mới giáo dục và chuyển đổi số trong bối cảnh hiện nay. Kết quả nghiên cứu cho thấy năng lực số của giáo viên các trường trung học cơ sở ở phường Tam Phước, tỉnh Đồng Nai được đánh giá ở mức khá; giáo viên đã bước đầu ứng dụng công nghệ số trong dạy học, kiểm tra – đánh giá và hoạt động chuyên môn.

Công tác quản lý hoạt động phát triển năng lực số đã được các nhà trường quan tâm triển khai thông qua các hoạt động như lập kế hoạch, tổ chức bồi dưỡng, chỉ đạo, kiểm tra – đánh giá và quản lý các điều kiện bảo đảm. Tuy nhiên, vẫn còn một số hạn chế như năng lực số của giáo viên chưa đồng đều, hoạt động bồi dưỡng chưa thật sự chuyên sâu, hạ tầng công nghệ và học liệu số chưa đồng bộ, công tác kiểm tra – đánh giá còn thiếu tính hệ thống.

Trên cơ sở nghiên cứu lý luận và khảo sát thực trạng, đề tài đã đề xuất 06 biện pháp quản lý hoạt động phát triển năng lực số cho đội ngũ giáo viên các trường trung học cơ sở ở phường Tam Phước. Các biện pháp được xây dựng theo hướng bám sát thực tiễn, có tính khả thi và hỗ trợ lẫn nhau, góp phần nâng cao hiệu quả phát triển năng lực số cho giáo viên, đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số trong giáo dục hiện nay.

Tài liệu tham khảo

- Ban Chấp hành Trung ương. (2024). *Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.*
- Basilotta-Gómez-Pablos, V., Matarranz, M., Casado-Aranda, L. A., & Otto, A. (2022). Teachers' digital competencies in higher education: A systematic literature review. *International Journal of Educational Technology in Higher Education, 19*(8). <https://doi.org/10.1186/s41239-021-00312-8>
- Bộ Chính trị. (2019). *Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.*
- Bộ Chính trị. (2019). *Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo.*
- Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2025). *Thông tư số 02/2025/TT-BGDĐT ngày 24/01/2025 quy định Khung năng lực số cho người học*
- Bộ Khoa học và Công nghệ. (2024). *Quyết định số 757/QĐ-BKHCN ngày 29/04/2025 ban hành khung kiến thức, kỹ năng số cơ bản và hướng dẫn đánh giá, xác nhận hoàn thành mức độ phổ cập kỹ năng số.*
- Bộ Thông tin và Truyền thông. (2014). *Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/03/2014 quy định chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin.*
- Bộ Thông tin và Truyền thông. (2021). *Cẩm nang chuyển đổi số.* NXB Thông tin và Truyền thông.
- Cabero-Almenara, J., Gutiérrez-Castillo, J. J., Palacios-Rodríguez, A., & Barroso-Osuna, J. (2020). Development of the Teacher Digital Competence Validation of DigCompEdu Check-In Questionnaire in the University Context of Andalusia. *Sustainability, 12*(15), 6094. <https://doi.org/10.3390/su12156094>
- Caena, F., & Redecker, C. (2019). Aligning teacher competence frameworks to 21st century challenges: *The case for DigCompEdu. European Journal of Education, 54.* <https://doi.org/10.1111/ejed.12345>
- Falloon, G. (2020). From digital literacy to digital competence: The teacher digital competency framework. *Educational Technology Research and Development, 68*, 2449–2472. <https://doi.org/10.1007/s11423-020-09767-4>
- Ferrar, A. (2012). Digital competence in practice: An analysis of frameworks. *Publications Office of the European Union.* <https://doi.org/10.2791/82116>
- Ferrar, A. (2013). DIGCOMP: A framework for developing and understanding digital competence in Europe. *Publications Office of the European Union.* <https://doi.org/10.2788/52966>
- Gallego Joya, L., Merchán Merchán, M. A., & López Barrera, E. A. (2025). Development and strengthening of teachers' digital competence: A systematic review. *Contemporary Educational Technology, 17*(1), ep555. <https://doi.org/10.30935/cedtech/15744>
- Hämäläinen, R., Nissinen, K., Mannonen, J., Lämsä, J., Leino, K., & Taajamo, M. (2020). Understanding teaching professionals' digital competence: What do PIAAC and TALIS reveal about technology-related skills, attitudes, and knowledge? *Computers in Human Behavior, 117*, 106672. <https://doi.org/10.1016/j.chb.2020.106672>

- Huỳnh, S. L., & Phan, T. N. (2026). Nghiên cứu tổng quan về phát triển năng lực kỹ thuật số cho các nhà giáo dục giáo viên. *Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Tháp*, 15(01S), 306–317. <https://doi.org/10.52714/dthu.15.01S.2026.1867>
- JISC. (2017). *Building digital capabilities: The six elements defined*.
- McCarthy, M., Maor, D., McConney, A., & Cavanaugh, C. (2023). Digital transformation in education: Critical components for leaders of system change. *Social Sciences & Humanities Open*. <https://doi.org/10.1016/j.ssaho.2023.100479>
- Nguyễn, T. N., & Phan, T. N. (2025). Tổng quan nghiên cứu về phát triển năng lực số cho cán bộ quản lý tại các cơ sở giáo dục đại học. *Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Tháp*, 14(08S), 180–192. <https://doi.org/10.52714/dthu.14.08S.2025.1760>
- Nguyễn, D. C., Hứa, T. L., Hà, T. K. H., & Phạm, T. T. (2023). Quản lý hoạt động đào tạo trong bối cảnh chuyển đổi số – Nghiên cứu tình huống tại Học viện Quản lý giáo dục. *HNUE Journal of Science: Educational Sciences*, 68(1), 81–95. <https://doi.org/10.18173/2354-1075.2023-0008>
- Phan, T. N., & Nguyễn, T. N. Ý. (2025). Nghiên cứu tổng quan về phát triển năng lực số cho sinh viên ngành giáo dục mầm non ở Việt Nam. *Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Tháp*, 14(01S), 312-326. <https://doi.org/10.52714/dthu.14.01S.2025.1593>
- Redecker, C. (2017). European framework for the digital competence of educators: DigCompEdu. *Publications Office of the European Union*. <https://doi.org/10.2760/159770>
- Thủ tướng Chính phủ. (2020). *Quyết định số 749/QĐ-TTg phê duyệt Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030*.
- Thủ tướng Chính phủ. (2022). *Quyết định số 131/QĐ-TTg phê duyệt Đề án tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo*.
- Trần, D. T. (2025). Đánh giá năng lực số của giáo viên phổ thông theo khung DigCompEdu. *HNUE Journal of Science: Educational Sciences*, 70(2), 153–164. <https://doi.org/10.18173/2354-1075.2025-0045>
- Tulowitzki, P., Gerick, J., & Eickelmann, B. (2022). The role of ICT for school leadership and management activities: An international comparison. *International Journal of Educational Management*, 36(2), 133–151. <https://doi.org/10.1108/IJEM-06-2021-0251>
- UNESCO. (2018). *A global framework of reference on digital literacy skills for indicator 4.4.2*.
- Vuorikari, R., Kluzer, S., & Punie, Y. (2022). *DigComp 2.2: The digital competence framework for citizens*. Publications Office of the European Union. <https://doi.org/10.2760/115376>